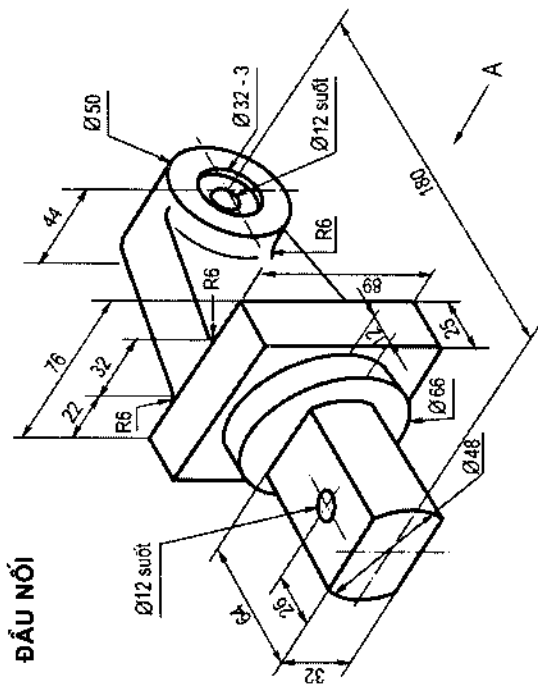


6.15. Vẽ phác chi tiết đầu nối bằng các hình biểu diễn sau đây:

- Hình chiếu đứng theo hướng mũi tên với hình cắt cục bộ lỗ $\varnothing 12$.
- Hình chiếu bằng với hình cắt cục bộ của lỗ $\varnothing 32$, $\varnothing 12$.
- Mặt cắt đầu bên trái qua lỗ $\varnothing 12$.

Ghi các kích thước xác định chi tiết.

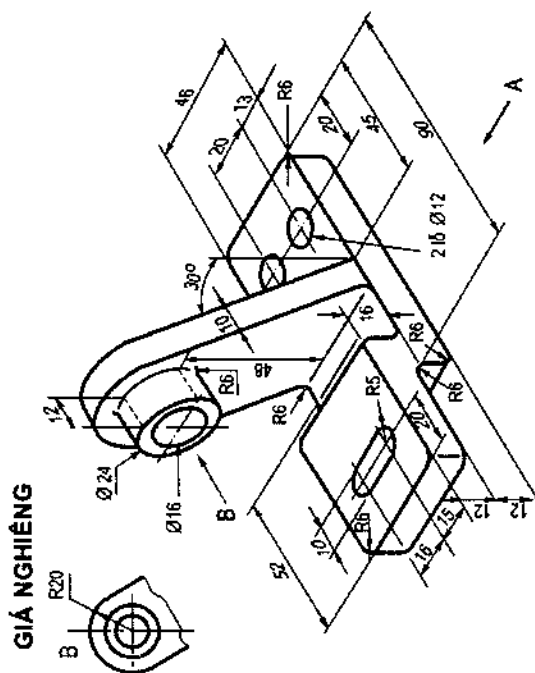


Hình 6.15

6.16. Vẽ phác chi tiết giá nghiêng (hình 6.16) bằng các hình biểu diễn sau đây:

- Hình cắt theo hướng mũi tên qua rãnh 10, lỗ $\varnothing 16$ và lỗ $\varnothing 12$.
- Hình chiếu bằng.
- Hình chiếu cạnh.

Ghi các kích thước xác định chi tiết.



Hình 6.16

4. Đọc bản vẽ chi tiết

6.17. Đọc bản vẽ trục hình 6.17 và trả lời các câu hỏi sau:

a) Trục được đặt ở vị trí như thế nào? Tại sao? Vì sao không dùng hình chiếu bằng và hình chiếu cạnh để thể hiện hình dạng của trục?

b) Nêu tên gọi các hình biểu diễn của bản vẽ, chúng diễn tả những bộ phận nào của trục?

c) Đường và mặt nào làm chuẩn kích thước của trục? Những kích thước nào là kích thước định vị của lỗ $\varnothing 3$ và các rãnh then?

d) Giải thích ý nghĩa các ký hiệu lắp ghép và dung sai hình dạng bề mặt của trục.

e) Bề mặt nào của trục có trị số nhám bé nhất? Vì sao? Giải thích ý nghĩa ký hiệu nhám ghi ở góc trên bên phải bản vẽ trục.

6.18. Đọc bản vẽ trục vít Asimet (hình 6.18) và trả lời các câu hỏi sau:

a) Mỗi hình biểu diễn thể hiện bộ phận nào của chi tiết?

b) Đường kính lớn nhất và chiều dài của phần có ren vít bằng bao nhiêu?

c) Giải thích ý nghĩa ký hiệu dung sai hình học ghi trên bản vẽ?

d) Giải thích ký hiệu nhám ghi ở góc phải phía trên bản vẽ?

e) Giải thích ý nghĩa các nội dung ghi trong bảng thông số của bản vẽ?

6.19. Đọc bản vẽ thân (hình 6.19) và trả lời các câu hỏi sau:

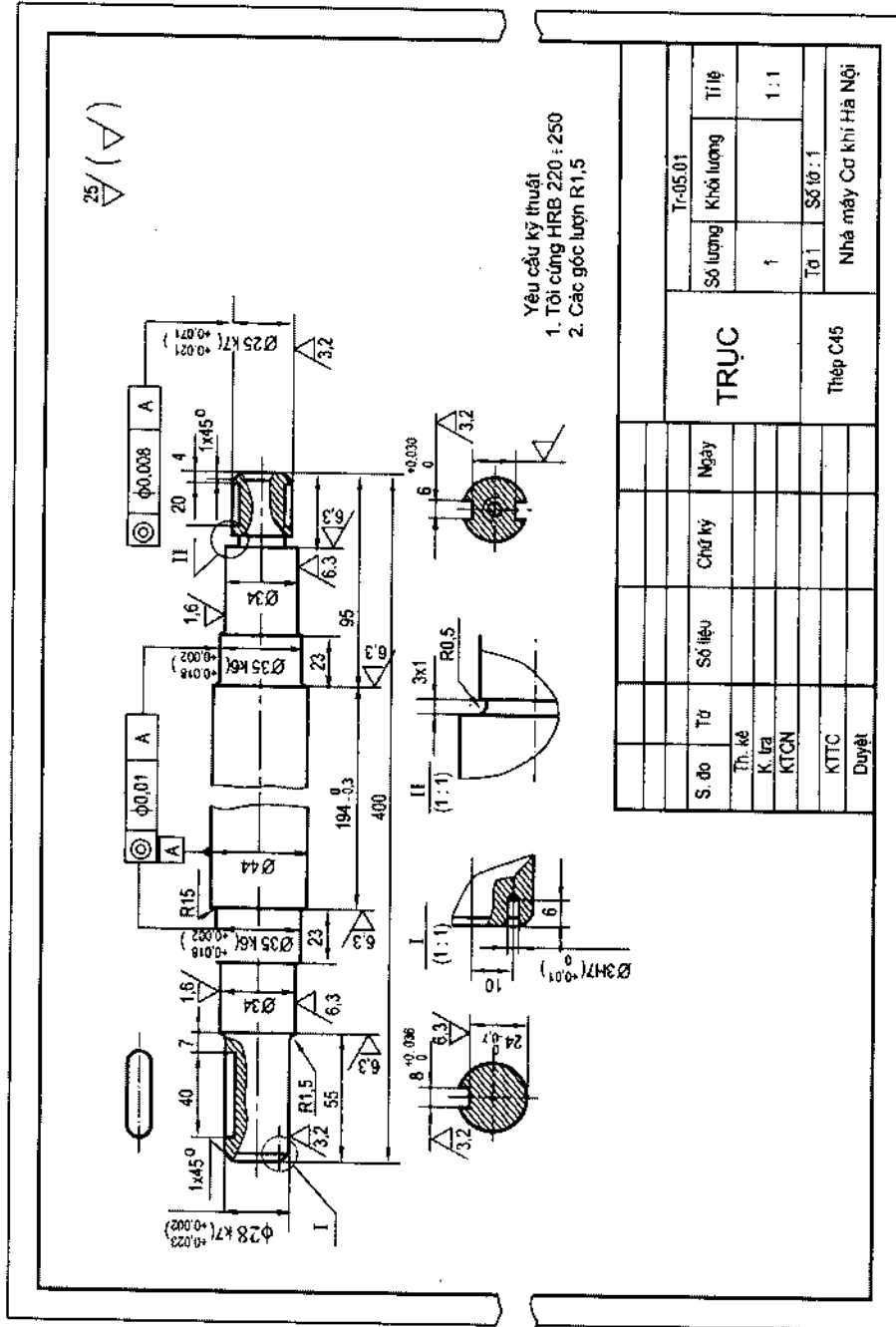
a) Chi tiết được đặt ở vị trí như thế nào? Tại sao không vẽ toàn bộ hình chiếu bằng?

b) Các hình cắt biểu diễn bộ phận nào của thân? Có thể dùng hình cắt bán phần ở hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh được không?

c) Đường và mặt nào làm chuẩn kích thước? Kích thước nào là kích thước định vị của các lỗ ren và lỗ đế?

d) Giải thích ý nghĩa các ký hiệu lắp ghép và dung sai hình dạng ghi trên bản vẽ.

e) Các bề mặt nào có trị số nhám lớn nhất và bé nhất? Tại sao?



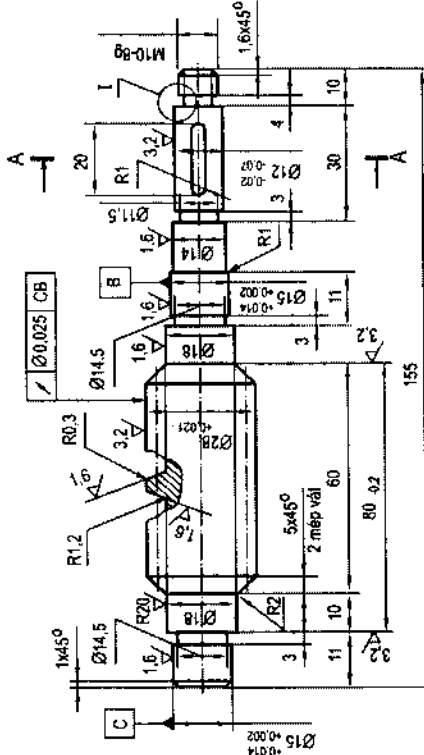
Số lượng		Tc-05.01	
		Khối lượng	Tỉ lệ
1			1:1
Tờ 1		Số tờ: 1	
TRỤC		Nhà máy Cơ khí Hà Nội	
		Thép C45	
S. đồ	Từ	Số liệu	Ngày
Th. vẽ			
K. tra			
KTCN			
KTTC			
Duyệt			

Hình 6.17

12.5 (M)

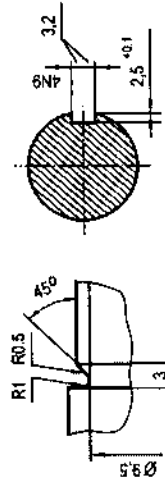
Mô đun	m	2
Số đầu răng	z ₁	2
Dạng trục vít		ZA
Các xoắn	γ	9°21'44"
Hướng xoắn		Phải
Bước vít	P _{z1}	12,566
Cấp chính xác		7
Thông số Góc xoắn	α _x	20°
Profil vít	h ₁	4,4
Chiều dày răng	S _{a1}	3,09 ^{+0,15} _{-0,21}
Chiều cao đỉnh răng	h _{a1}	2,00

1. 48.5... 50HRC
2. Những kích thước không ghi sai lệch giới hạn: H14, h14, ± IT14



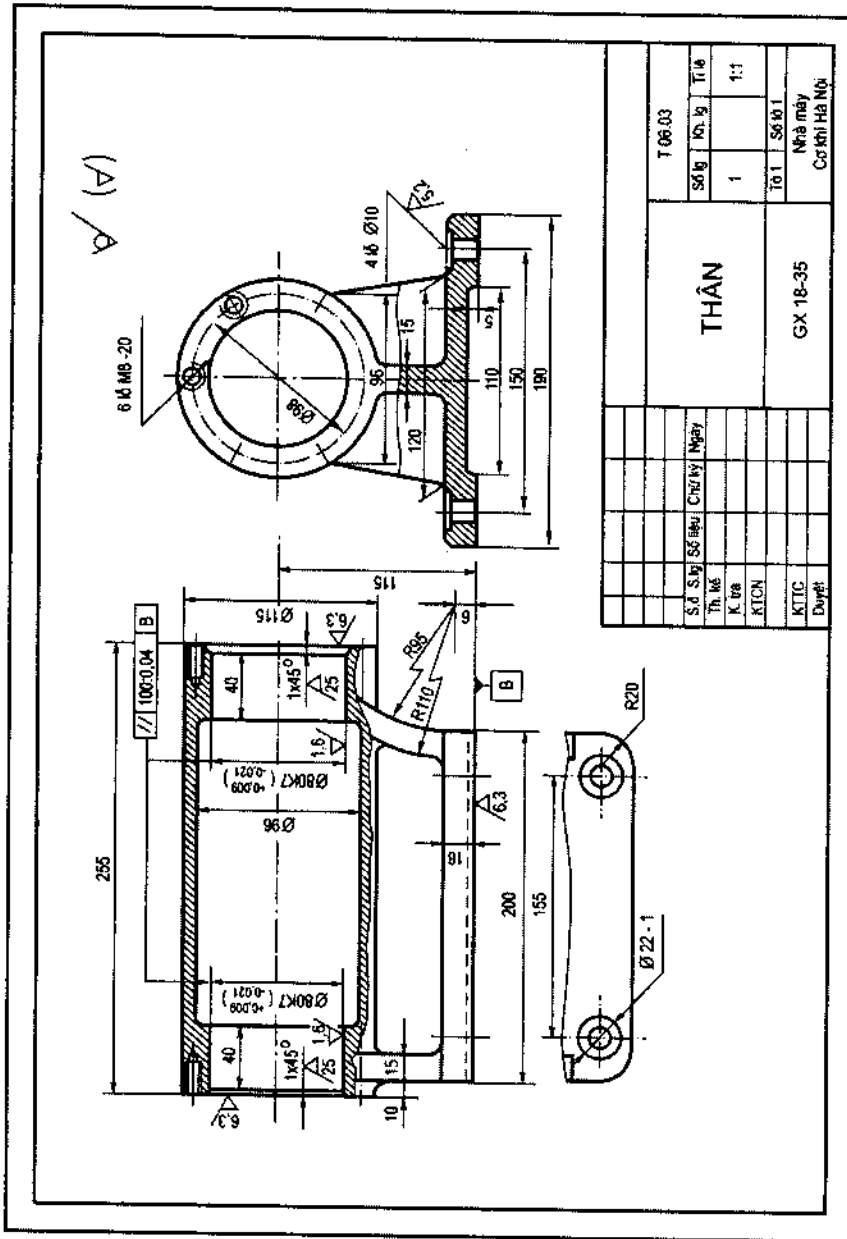
A-A
2:1

I
(2:1)



TRỤC VÍT		TV 06 02	
		Số lq	Kh. lq
Số lq	Số lq	Ngày	1:1
Th. kế	K. lq		
KTCN			
KTTC			
Đuyệt			
Thép 40 Cr		Nhà máy Cơ khí Hà Nội	

Hình 6.18



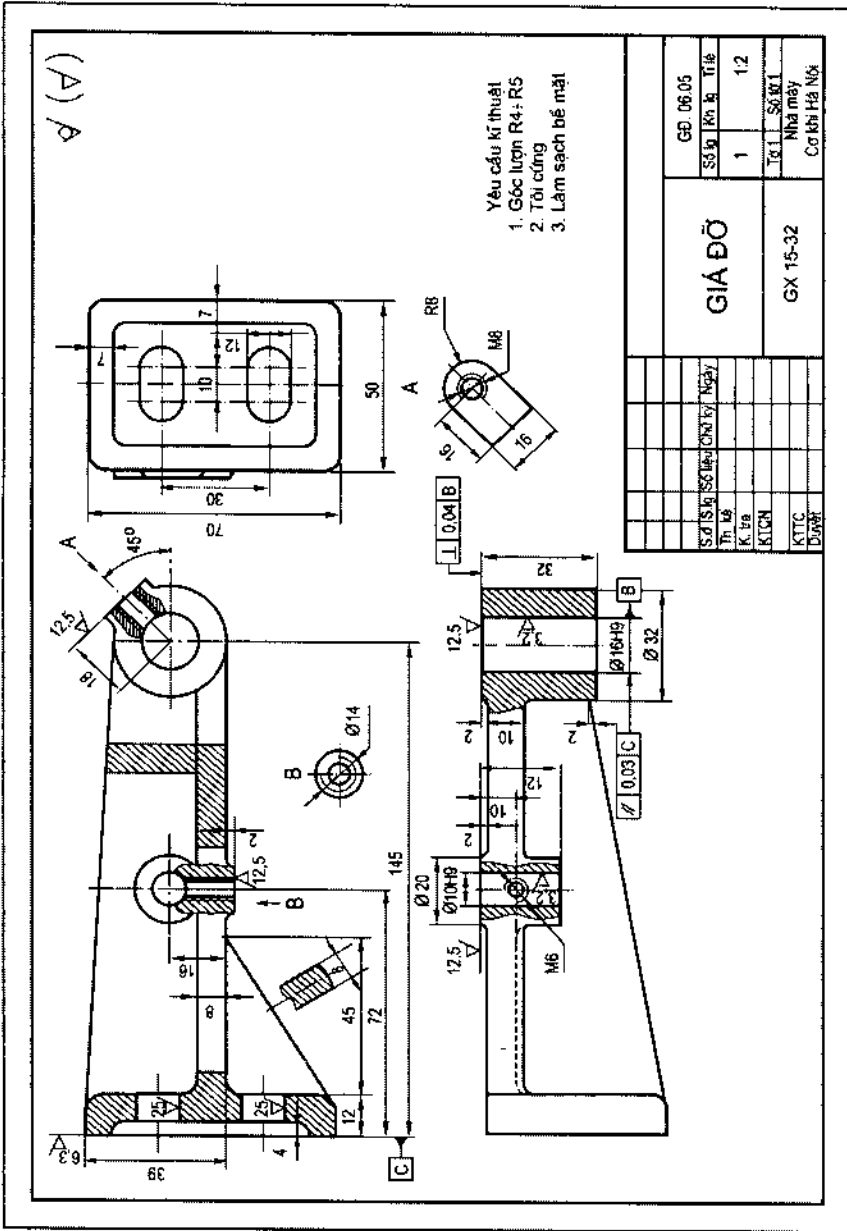
Hình 6.19

6.20. Đọc bản vẽ giá đỡ (hình 6.20) và trả lời các câu hỏi sau:

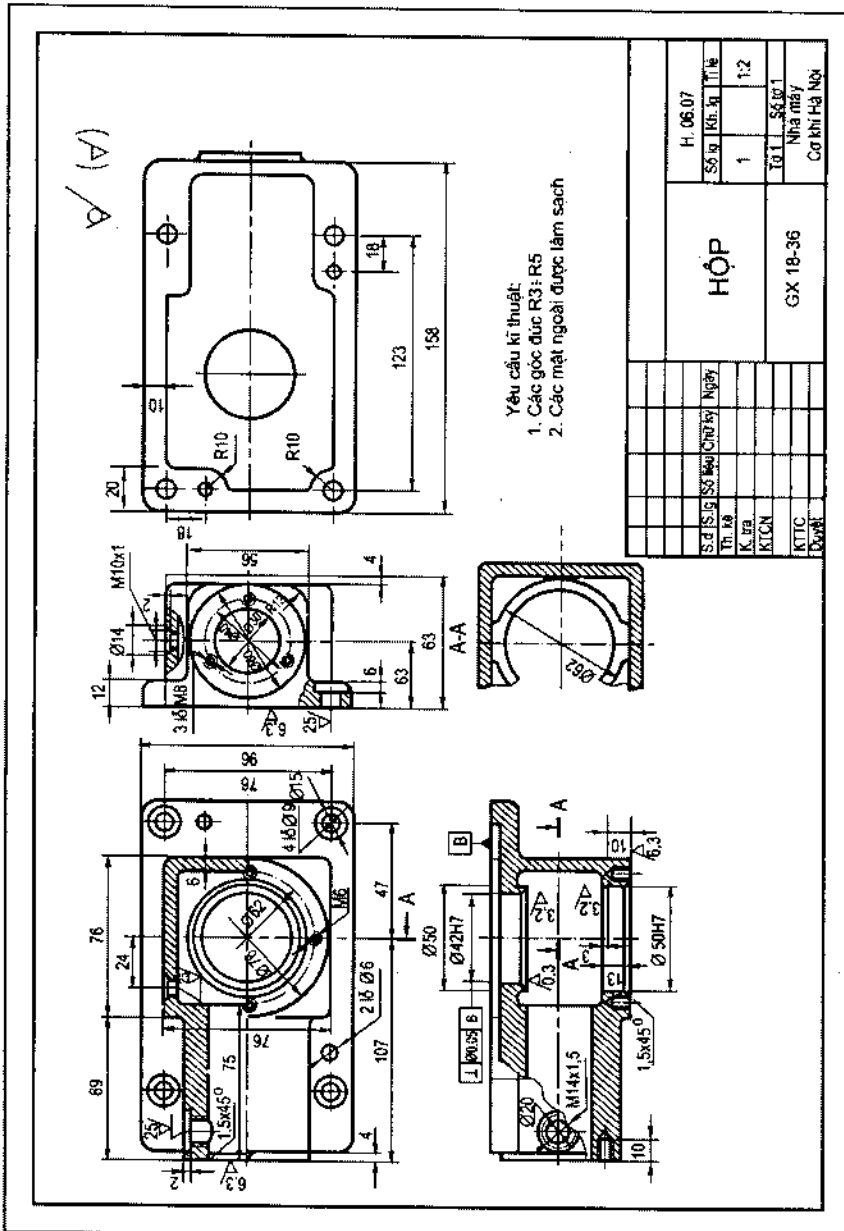
- a) Các hình chiếu đứng và bằng được cắt như thế nào? Các hình cắt diễn tả bộ phận nào của chi tiết?
- b) Hình chiếu A có tên gọi là gì? Nó thể hiện bộ phận nào?
- c) Có những mặt cắt nào? Nêu tên gọi của các mặt cắt đó.
- d) Giải thích ý nghĩa của các ký hiệu lắp ghép. Tra bảng để xác định dung sai của kích thước danh nghĩa và ghi ký hiệu lắp ghép.
- e) Giải thích ý nghĩa của ký hiệu dung sai hình học và ký hiệu ren ghi trên bản vẽ.

6.21. Đọc bản vẽ hộp (hình 6.21) và trả lời các câu hỏi sau :

- a) Nêu tên gọi của các hình biểu diễn của bản vẽ hộp. Mỗi hình biểu diễn tả bộ phận nào của chi tiết?
- b) Có bao nhiêu lỗ có ren, giải thích ý nghĩa ký hiệu của ren ghi trên bản vẽ?
- c) Nêu các kích thước định vị của các lỗ ở trên hộp.
- d) Tra bảng để xác định dung sai của kích thước có ký hiệu lắp ghép. Giải thích ý nghĩa ký hiệu dung sai hình học ghi trên bản vẽ.
- e) Bề mặt nào có trị số nhám lớn nhất và bé nhất? Lý do tại sao?



Hình 6.20



Hình 6.21

BÀI TẬP THỰC HÀNH 4 – LẬP BẢN VẼ CHI TIẾT

1. Mục đích

- Hiểu rõ các nội dung của bản vẽ chi tiết
- Biết cách chọn các loại hình biểu diễn của chi tiết để diễn tả đầy đủ rõ ràng hình dạng và cấu tạo của chi tiết.
- Biết vận dụng phân tích dạng vật thể để ghi kích thước của chi tiết một cách đầy đủ, hợp lý.
- Biết cách ghi ký hiệu dung sai lắp ghép, dung sai hình dạng và nhám bề mặt.
- Nắm vững phương pháp đo vẽ và trình tự lập bản vẽ chi tiết.

2. Nội dung

Lập bản vẽ phác và bản vẽ tinh của chi tiết từ các vật mẫu thật hoặc từ hình chiếu trực đo của chi tiết.

3. Hướng dẫn

Mỗi sinh viên vẽ một vài chi tiết. Mỗi chi tiết được trình bày trên một khổ giấy A4 hoặc A3.

- Trước khi vẽ cần phân tích kỹ hình dạng và kết cấu của chi tiết để chọn phương án biểu diễn tốt nhất.
- Tuân thủ trình tự lập bản vẽ và các quy định của các tiêu chuẩn về trình bày bản vẽ kỹ thuật.
- Ghi đầy đủ kích thước của chi tiết và các kết cấu của chi tiết.

4. Các đề bài

12 đề bài cho trong các hình 6.22